TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày 26-10-2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thiện

Bà Mai Thị Duyên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP V (Văn bản uỷ quyền số 423/2023/UQ-LCC-KHCNMB02 ngày 10/01/2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị P; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Công M; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; (đã chết ngày 19/8/2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Công M: Bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị M và anh Đinh Thành L; cùng trú tại: Tổ dân phố C, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 02 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo các Hợp đồng cho vay, ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị P vay của Ngân hàng TMCP V số tiền là 559.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018; số tiền vay: 485.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng); thời hạn vay: 120 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình; lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 14%/năm; mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi theo cách thức tính lại quy định tại hợp đồng tín dụng với một năm là 360 ngày. Để làm rõ mức lãi suất quy đổi trên cơ sở một năm 365 ngày là 14%/năm; lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/07/2018. Mức điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 120 tháng trả lãi sau bậc cao nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6,0%/năm. Lãi suất cho vay quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Hợp đồng cho vay số LD1936100132 ngày 27/12/2019; số tiền vay: 74.000.000 đồng (bảy mươi tư triệu đồng); thời hạn vay duy trì hạn mức 36 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho các bên vay; mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng phục vụ đời sống; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 19%.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 758 (tách ra từ thửa 239); tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY058592, số vào sổ cấp GCN CH02904 do UBND quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/6/2015 cho ông Đinh Công M, tại địa chỉ: Tổ dân phố C,

phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp số 56/HĐTC/2018, quyển số 01TP/CC-SCC-HĐGD, ký ngày 03/01/2018.

Quá trình thực hiện hợp, ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị P đã trả theo Hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018 số tiền gốc: 175,249,929 đồng; lãi: 197,866,850 đồng (lãi trong hạn: 193,076,442 đồng, lãi quá hạn: 4,670,735 đồng, lãi phạt: 119,673 đồng) bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 05/7/2021 và Hợp đồng cho vay số LD1936100132 ngày 27/12/2019 số tiền gốc: 43,892,839 đồng; lãi: 20,895,768 đồng, bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 05/01/2022.

VPBank đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện, tuy nhiên ông C và bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản vay nêu trên. Tính đến ngày 26/10/2023 ông C và bà P còn nợ V số tiền gốc, lãi theo các Hợp đồng cho vay sau:

Hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018 tổng số tiền nợ gố, nợ lãi là: 478,105,879 đồng (trong đó nợ gốc: 309,750,071 đồng, lãi trong hạn: 6,817,058 đồng, lãi quá hạn: 142,209,716 đồng, lãi phạt chậm trả: 19,329,034 đồng).

Hợp đồng cho vay số LD1936100132 ngày 27/12/2019 tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi: 47,521,937 đồng (trong đó nợ gốc: 30,107,161 đồng, lãi trong hạn: 477,841 đồng, lãi quá hạn: 15,270,517 đồng, lãi phạt chậm trả: 1,666,418 đồng).

Tổng của hai khoản mà ông C, bà P còn nợ V số tiền gốc, lãi là: 525,627,816 đồng (trong đónợ gốc: 339,857,232 đồng, lãi trong hạn: 7,294,899 đồng, lãi quá hạn: 157,480,233 đồng, lãi phạt chậm trả: 20,995,452 đồng).

Quan điểm của V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Ông C, bà P phải thanh toán trả nợ cho V tổng số tiền gốc, lãi của hai khoản vay trên là: 525,627,816 đồng (nợ gốc: 339,857,232 đồng, lãi trong hạn: 7,294,899 đồng, lãi quá hạn: 157,480,233 đồng, lãi phạt chậm trả: 20,995,452 đồng) tính đến ngày 26/10/2023.

Ông C, bà P tiếp tục trả lãi theo đúng thoả thuận trong các Hợp đồng cho vay cho đến ngày thực tế ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị P thanh toán hết các khoản nợ cho V.

Trường hợp ông C, bà P không trả được nợ thì V có quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 758 (tách ra từ thửa 239); tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY058592, số vào sổ cấp GCN CH02904 do UBND quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/6/2015 cho ông Đinh Công M, tại địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông C và bà P vẫn phải tiếp tục trả nợ cho V cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

* Tại phiên tòa, bị đơn ông Đinh Công C và bà Hoàng Thị P trình bày:

Ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị P nhất trí với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cụ thể: Ông C và bà P đã ký với Ngân hàng TMCP V các hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018 và LD1936100132 ngày 27/12/2019 để vay số tiền 559.000.000 đồng trên cơ sở tự nguyện, đến nay còn nợ V tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi của hai khoản vay trên là: 525,627,816 đồng,

Về tài sản bảo đảm: Ông C, bà P thống nhất hai khoản vay trên ông Đinh Công M dùng tài sản của mình thế chấp cho V Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 758 (tách ra từ thửa 239); tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY058592, số vào sổ câos GCN CH02904 do UBND quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/6/2015 cho ông Đinh Công M, tại địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Quan điểm của bị đơn:

- Đề nghị V cho phương án trả nợ cụ thể mỗi tháng ông C, bà P trả tiền gốc, lãi chốt đến ngày 26/10/2023 và xin miễn, giảm lãi.

- Về lãi phát sinh: Ông, bà không có khả năng trả lãi phát sinh lý do gia đình không có điều kiện để trả nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Công M trình bày:

Em trai ông là Đinh Công C và vợ là Nguyễn Thị P có ký các hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018 và LD1936100132 ngày 27/12/2019 để vay số tiền 559.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông M đã ký với V hợp đồng thế chấp số 56/HĐTC/2018, quyển số 01TP/CC-SCC-HĐGD, ký ngày 03/01/2018 và phụ lục hợp đồng kèm theo do Văn phòng công chứng Đất Cảng công chứng. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 758 (tách ra từ thửa 239); tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY058592, số vào sổ cấp GCN CH02904 do UBND quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/6/2015 cho ông Đinh Công M, tại địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Nay V khởi kiện yêu cầu ông C và bà P trả nợ cho V, nếu ông C, bà P không trả được nợ, ông M đồng ý V phát mại tài sản để thu hồi nợ cho V.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Công M là bà Phạm Thị T - mẹ đẻ của ông M, bà Nguyễn Thị M – vợ của ông M và anh Đinh Thành L – con trai của ông M. Quan điểm của bà T, bà M và anh L: Đây là tài sản riêng của ông Đinh Công M nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu, đối chiếu với quy định của BLTTDS và các quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự cho thấy:

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71 BLTTDS
- Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.
- Người thừa kế của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Điều 234 BLTTDS về nội quy phiên tòa: có trang phục nghiêm chỉnh, thái độ tôn trọng HĐXX, giữ trật tự và tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165 BLTTDS;

Căn cứ khoản 2 Điều 292; Điều 293; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị P thanh toán tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi (tính đến ngày 14/7/2023) là 503.152.249 đồng, trong đó: Nợ gốc: 339.857.232 đồng; nợ lãi: 144.497.098 đồng; phạt chậm trả: 18.797.919 đồng; tổng lãi + phạt chậm trả lãi: 163.295.017 đồng

Trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 758 (tách ra từ thửa 239); tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ TDP C, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 058592, Số vào sổ cấp GCN: CH02904 do UBND quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/6/2015, đứng tên chủ sử dụng là ông Đinh Công M).

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Vvà ông Đinh Công C, bà Nguyễn Thị P là tranh chấp hợp đồng dân sự; bị đơn ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị P cùng cư trú tại Tổ dân phố C, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị M và anh Đinh Thành L có yêu cầu xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018, số tiền vay 485.000.000 đồng, thời hạn vay: 120 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng; lãi suất cho vay trong hạn: Tại thời điểm giải ngân là 14%/năm; lãi suất cho vay quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và Hợp đồng cho vay số LD1936100132 ngày 27/12/2019, số tiền vay 74.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng; lãi suất cho vay trong hạn: 19%, các Hợp đồng cho vay được ký kết giữa nguyên đơn V và bị đơn ông Đinh Công C, bà Nguyễn Thị P, trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 3; Điều 116; Điều 117, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[4] Thực hiện Hợp đồng tín dụng: Ngày 05/01/2018 V chuyển khoản số tiền 485.000.000 đồng đến người nhận Đinh Thị Thu P (theo Ủy nhiệm chi ngày 05/01/2018 và Khế ước nhận nợ ngày 05/01/2018), theo đó ông C, bà P đã nhận đủ số tiền 485.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018. Ngày 27/12/2019, ông C, bà P nhận số tiền 74.000.000 đồng (theo Hợp đồng cho vay số LD1936100132 ngày 27/12/2019). Quá trình thực hiện các hợp đồng, ông C, bà P đã thanh toán cho V theo Hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018 số tiền gốc: 175,249,929 đồng; lãi: 197,866,850 đồng (lãi trong hạn: 193,076,442 đồng, lãi quá hạn: 4,670,735 đồng, lãi phạt: 119,673 đồng) bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 05/7/2021 và Hợp đồng cho vay số LD1936100132 ngày 27/12/2019 số tiền gốc: 43,892,839 đồng; lãi: 20,895,768 đồng, bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 05/01/2022. Như vậy, ông C, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự và

Điều 6,7 Hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/209/NQ-HĐTP.

[5] Tính đến ngày 26/10/2023 ông C và bà P còn nợ VPBank số tiền gốc, lãi theo các Hợp đồng cho vay sau:

[5.1] Hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018 tổng số tiền nợ gố, nợ lãi là: 478,105,879 đồng (tron đó nợ gốc: 309,750,071 đồng, lãi trong hạn: 6,817,058 đồng, lãi quá hạn: 142,209,716 đồng, lãi phạt chậm trả: 19,329,034 đồng).

[5.2] Hợp đồng cho vay số LD1936100132 ngày 27/12/2019 tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi: 47,521,937 đồng (trong đó nợ gốc: 30,107,161 đồng, lãi trong hạn: 477,841 đồng, lãi quá hạn: 15,270,517 đồng, lãi phạt chậm trả: 1,666,418 đồng).

[5.3] Tổng của hai khoản mà ông C, bà P còn nợ VPBank số tiền gốc, lãi là: 525,627,816 đồng (trong đó nợ gốc: 339,857,232 đồng, lãi trong hạn: 7,294,899 đồng, lãi quá hạn: 157,480,233 đồng, lãi phạt chậm trả: 20,995,452 đồng).

[6] Về tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho hai khoản vay trên, ông Đinh Công M thế chấp cho V Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 758 (tách ra từ thửa 239); tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY058592, số vào sổ cấp GCN CH02904 do UBND quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/6/2015 cho ông Đinh Công M, tại địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (theo hợp đồng thế chấp số 56/HĐTC/2018, quyển số 01TP/CC-SCC-HĐGD, ký ngày 03/01/2018 và phụ lục hợp đồng kèm theo do Văn phòng công chứng Đất Cảng công chứng và được đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 03/01/2018) là phù hợp được quy định tại Điều 293; Điều 295; Điều 296; Điều 298 Bộ luật Dân sự.

[7] Ngày 14/7/2023, Tòa án nhân dân quận Hải An đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm của ông M thể hiện: Tại thời điểm thế chấp đến thời điểm xét xử, tài sản bảo đảm không thay đổi, giữ nguyên trạng, không cho ai thuê và không xây dựng cơi nới gì thêm.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng cho vay ngày 05/01/2018; Hợp đồng cho vay ngày 27/12/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 03/01/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ, V yêu cầu ông C, bà P có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ nêu trên và xử lý tài sản bảo đảm của ông M theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về số tiền nợ gốc, lãi: Ông C bà P có trách nhiệm thanh toán cho VPBank tính đến ngày 26/10/2023 theo các Hợp đồng cho vay sau:

[9.1] Hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018 tổng số tiền nợ gố, nợ lãi là: 478,105,879 đồng (tron đó nợ gốc: 309,750,071 đồng, lãi trong hạn: 6,817,058 đồng, lãi quá hạn: 142,209,716 đồng, lãi phạt chậm trả: 19,329,034 đồng).

[9.2] Hợp đồng cho vay số LD1936100132 ngày 27/12/2019 tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi: 47,521,937 đồng (trong đó nợ gốc: 30,107,161 đồng, lãi trong hạn: 477,841 đồng, lãi quá hạn: 15,270,517 đồng, lãi phạt chậm trả: 1,666,418 đồng).

[9.3] Tổng của hai khoản mà ông C, bà P còn nợ V số tiền gốc, lãi là: 525,627,816 đồng (trong đó nợ gốc: 339,857,232 đồng, lãi trong hạn: 7,294,899 đồng, lãi quá hạn: 157,480,233 đồng, lãi phạt chậm trả: 20,995,452 đồng).

[10] Về tiền lãi phát sinh: Kể từ 27/10/2023, ông C, bà P phải tiếp tục thanh toán cho V khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng vay LN1712220401135 ngày 05/01/2018 và Hợp đồng vay LD1936100132 ngày 27/12/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[11] Về tài sản bảo đảm: Trường hợp ông C, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền gốc lãi, lãi phát sinh và các chi phí khác được quy định trong các Hợp đồng cho vay thì V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 758 (tách ra từ thửa 239); tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY058592, số vào sổ cấp GCN CH02904 do UBND quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/6/2015 cho ông Đinh Công M, tại địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị P vẫn phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay

[12] Xét yêu cầu của bị đơn: Bị đơn đề nghị V tạo điều kiện cho vợ chồng được giãn nợ, trả dần và miễn, giảm tiền lãi suất và tiền lãi phát sinh vì vợ chồng không có điều kiện để trả nợ; căn cứ vào các Hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết và tại phiên tòa, đại diện V không đồng ý, lý do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, V đã thông báo trả nợ nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết.

[13] Đối với tài sản bảo đảm: Ông Đinh Công M đã chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Công M: Bà Phạm Thị T (là mẹ đẻ), bà Nguyễn Thị M và anh Đinh Thành L (là vợ và con trai) là những người được hưởng di sản mà di sản đó đang là tài sản bảo đảm đối với khoản vay nêu trên thì việc thực hiện nghĩa vụ và xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo Hợp đồng thế chấp

số 56/HĐTC/2018, quyển số 01TP/CC-SCC-HĐGD, ký ngày 03/01/2018 và phụ lục hợp đồng được quy định tại Điều 49 Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Trường hợp ông C, bà P tất toán xong tất cả các khoản nợ cho V, V có trách nhiệm giao trả cho Bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị M và anh Đinh Thành L tài sản đảm bảo (nếu còn).

[14] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí

[15] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 292; Điều 293; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 4 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

* Xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V.

1. Về số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 26/10/20023 cụ thể:

Hợp đồng cho vay số LN1712220401135 ngày 05/01/2018 tổng số tiền nợ gốc, lãi là: **478,105,879 đồng** (trong đó nợ gốc: 309,750,071 đồng, lãi trong hạn: 6,817,058 đồng, lãi quá hạn: 142,209,716 đồng, lãi phạt chậm trả: 19,329,034 đồng).

Hợp đồng cho vay số LD1936100132 ngày 27/12/2019 tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi: **47,521,937 đồng** (trong đó nợ gốc: 30,107,161 đồng, lãi trong hạn: 477,841 đồng, lãi quá hạn: 15,270,517 đồng, lãi phạt chậm trả: 1,666,418 đồng).

Tổng của hai khoản mà C, bà P còn nợ V số tiền gốc, lãi là: **525,627,816 đồng** *(năm trăm hai mươi năm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm mười sáu đồng)* trong đó nợ gốc: 339,857,232 đồng *(ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi hai đồng),* lãi trong hạn: 7,294,899 đồng *(bảy triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi chín đồng)*, lãi quá hạn: 157,480,233 đồng *(một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi*

nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), lãi phạt chậm trả: 20,995,452 đồng *(hai mươi triệu chín trăm chín mươi năm nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).*

2. Về tiền lãi phát sinh: Kể từ 27/10/2023, ông C, bà P phải tiếp tục thanh toán cho VPBank khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng vay LN1712220401135 ngày 05/01/2018 và Hợp đồng vay LD1936100132 ngày 27/12/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về tài sản bảo đảm: Trường hợp ông C, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền gốc, tiền lãi, lãi phát sinh và các chi phí khác được quy định trong các Hợp đồng cho vay thì V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 758 (tách ra từ thửa 239); tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY058592, số vào sổ cấp GCN CH02904 do UBND quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/6/2015 cho ông Đinh Công M, tại địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị P vẫn phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ trả nợ cho VPBank cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp ông C, bà P tất toán xong tất cả các khoản nợ cho V, V có trách nhiệm giao trả cho Bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị M và anh Đinh Thành L tài sản đảm bảo (nếu còn).

4. Về án phí: Ông Đinh Công C và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được làm tròn là 25,025,000 đồng (hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi năm nghìn đồng)

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí là 10,513,000 đồng theo biên lai thu số 0004909 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng .

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người kế thừa quyền và nghĩa vụ có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA dân sự quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Sơn Thị Nhân